

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố
phê duyệt giá đất cụ thể; thu hồi đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích
của xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về giá đất; số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về thu tiền sử dụng đất; số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp xác định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của liên Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 87/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của liên Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thẩm định

dự thảo Bảng giá đất của Hội đồng thẩm định Bảng giá đất, thẩm định phương án giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất;

Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 06/5/2023 của Chính phủ về việc ủy quyền quyết định giá đất cụ thể;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 319/TTr-TNMT ngày 06/6/2023 và ý kiến thống nhất của các thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi là UBND cấp huyện) quyết định giá đất cụ thể; quyết định thành lập hội đồng thẩm định giá đất và quyết định thu hồi đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, như sau

1. Quyết định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; thu tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư; tính tiền sử dụng đất khi giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân; xác định giá đất đối với diện tích vượt hạn mức khi nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở cho hộ gia đình, cá nhân; xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân;

2. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giá đất, thành viên Hội đồng bao gồm: Chủ tịch UBND cấp huyện làm chủ tịch hội đồng và lãnh đạo cơ quan tài chính cấp huyện làm thường trực Hội đồng; lãnh đạo cơ quan tài nguyên và môi trường, các cơ quan chuyên môn cấp huyện có liên quan và lãnh đạo UBND cấp xã nơi có đất; chuyên gia về giá đất và các thành viên khác do UBND cấp huyện quyết định.

Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện giúp UBND cấp huyện trong việc tổ chức xác định giá đất.

3. Thu hồi đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn đối với trường hợp thu hồi đất quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013.

4. Thời gian thực hiện nội dung ủy quyền: Kể từ ngày ký Quyết định này đến khi Luật Đất đai (sửa đổi) được Quốc hội thông qua thay thế Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành.

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. UBND cấp huyện:

a) Thực hiện các quyền và trách nhiệm được UBND tỉnh ủy quyền nêu tại Điều 1 Quyết định này và tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh trong phạm vi các quyền và trách nhiệm được ủy quyền.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc nội dung vượt thẩm quyền, UBND cấp huyện kịp thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo theo quy định (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường).

b) Chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường, phòng Tài chính - Kế hoạch và các phòng, ban có liên quan tổ chức tham mưu, kiểm tra, rà soát, báo cáo UBND cấp huyện triển khai nội dung tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật.

c) Đảm bảo các điều kiện về tài chính, nguồn nhân lực và các điều kiện cần thiết khác để thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền.

d) Định kỳ (6 tháng) hoặc đột xuất theo yêu cầu, UBND cấp huyện báo cáo kết quả việc thực hiện ủy quyền, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp.

đ) UBND cấp huyện có trách nhiệm phối hợp khi thực hiện xác định giá đất cụ thể tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này đối với các dự án được triển khai trên địa bàn nhiều huyện, thành phố và các dự án tại vị trí giáp ranh của các huyện, thành phố.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, cơ quan: Tài chính, Tư pháp, Cục Thuế và các cơ quan liên quan hướng dẫn, đôn đốc, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện nội dung ủy quyền cho UBND cấp huyện tại Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1107/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND tỉnh.

2. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã; các tổ chức và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 3;
- Vụ Pháp luật - Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Vụ Pháp chế của các Bộ: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các Ban của Đảng;
- VP ĐDBQH&HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, các phòng;
 - + Trung tâm Thông tin;
 - + Lưu: VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Thế Tuấn